

Số: 176/BC-UBND

Kiên Hải, ngày 05 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2019
và chương trình công tác năm 2020

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Xây dựng ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/02/2012 của UBND huyện về thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 01/6/2016 về thực hiện cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 28/01/2019 về công tác cải cách hành chính năm 2019.

Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính trong năm: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các kế hoạch, quyết định và các văn bản chỉ đạo khác triển khai đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện với nội dung chính như: công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền cải cách hành chính; công tác cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính. Trên cơ sở đó, 10 phòng, ban chuyên môn huyện và Ủy ban nhân dân các xã cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện riêng của từng cơ quan, đơn vị.

2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai đến các lãnh đạo cơ quan, đơn vị về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính và kết quả cải cách hành chính phải gắn liền với công tác thi đua khen thưởng. Để cụ thể hóa các văn bản có liên quan đến công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản có liên quan đến công tác cải cách hành chính như: Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 30/5/2016 của UBND huyện về việc phát động thi đua chuyên đề thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Kiên Hải; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 26/3/2019 thi đua chuyên đề thực hiện nhiệm vụ cải cách

hành chính năm 2019 với mục đích là tạo khí thế thi đua sôi nổi động viên các tập thể, cá nhân nỗ lực phấn đấu, nhằm kịp thời biểu dương khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn.

3. Kiểm tra cải cách hành chính

UBND triển khai Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 26/3/2019 kiểm tra công tác cải cách hành chính nhằm tăng cường vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện vụ cải cách hành chính, tạo sự chuyển biến về kỷ cương, kỷ luật và trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức nhất là lãnh đạo quản lý các cấp đến các phòng, ban và UBND các xã. Kết quả, UBND huyện ban hành Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 về thành lập Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2019 và kiểm tra được 3/3 xã.

4. Tuyên truyền công tác CCHC

Nhằm cụ thể hóa Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 24/8/2016 về thông tin, tuyên truyền Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 26/3/2019 thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2019. UBND huyện chỉ đạo Phòng Nội vụ hợp đồng với Đài Truyền thanh huyện “Mở chuyên mục cải cách hành chính vào thứ 5 hàng tuần” trên sóng Đài Truyền thanh huyện và các Trạm Truyền thanh xã, đã tuyên truyền được 85 cuộc có 4.520 lượt người tham dự và hơn 48 tin, bài.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a. Xây dựng và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

Ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/2019 về kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 đã triển khai đến các phòng, ban, ngành cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã để tổ chức thực hiện, đến nay có 04/04 xã đã ban hành kế hoạch. Kết quả rà soát thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật đồng thời đã ban hành 1.848 văn bản gồm 858 quyết định cá biệt và 990 văn bản khác về thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước được thực hiện đúng quy trình xây dựng, ban hành đúng thời gian quy định và ban hành các văn bản đúng thẩm quyền quy định.

b. Công tác theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)

Thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 25/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 26/02/2019 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2019 trên địa bàn huyện đã triển khai đến các phòng, ban, ngành cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã để tổ chức thực hiện.

Công tác theo dõi, tổng hợp theo dõi thi hành pháp luật đã chỉ đạo Phòng Tư pháp theo dõi tình hình và tổng hợp báo cáo về UBND huyện. Kết quả các cơ quan, ban, ngành cấp huyện, UBND các xã đều tuân thủ và thực hiện tốt các quy định của pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức và người dân được nâng lên, không có cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ, công vụ xảy ra vi phạm.

c. Kiểm tra, rà soát hệ thống hóa và xử lý VBQPPL

Về công tác rà soát rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng theo thời gian quy định vào ngày 30/9 hàng năm. Kết quả rà soát thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Về công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được UBND huyện ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 09/01/2019 về kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2019. Qua kiểm tra thì từ đầu năm đến nay HĐND-UBND huyện và các xã chưa có ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a. Rà soát, đánh giá TTHC

Thực hiện Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND tỉnh Kiên Giang năm 2019. UBND huyện ban hành Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 để triển khai đến các phòng chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, đồng thời chỉ đạo rà soát, cập nhật để loại bỏ các TTHC hết hiệu lực thi hành và niêm yết công khai các TTHC mới ban hành tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cấp huyện, xã và tại các đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính.

b. Cập nhật và công khai, niêm yết TTHC

Công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đạt tỷ lệ 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

UBND huyện chỉ đạo các ngành và UBND các xã cập nhật TTHC trên Trang Thông tin điện tử của huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố để niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện và xã theo quy định. Hiện nay tại cấp huyện đã niêm yết gồm 16 ngành, 276 thủ tục đạt tỷ lệ 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện; tại cấp xã niêm yết 12 ngành, 128 thủ tục đạt tỷ lệ 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại tổ tiếp nhận và trả kết quả của xã. Đồng thời cũng công khai Bộ TTHC trên Webiste của huyện đạt 100%.

c. Thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC

Huyện đã niêm yết công khai địa chỉ, hộp thư điện tử, số điện thoại của Văn phòng UBND tỉnh, hộp thư góp ý của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện, các xã và trên Website để cá nhân, tổ chức nếu chưa hài lòng với thủ tục hành chính thì phản ánh, kiến nghị đúng theo quy định của pháp luật.

Từ đầu năm đến nay, UBND huyện không nhận được trường hợp nào phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến quy định của thủ tục hành chính và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức: Thực hiện Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, kết quả rà soát gồm 10/10 phòng chuyên môn, 05 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và 08 đơn vị sự nghiệp giáo dục thực hiện đúng vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế.

Về quản lý biên chế: Theo Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức hành chính năm 2019 đối với các phòng chuyên môn trực thuộc UBND huyện gồm 10 phòng với 61 biên chế; Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và biên chế Hội có tính đặc thù năm 2019 là 249 biên chế.

Về phân cấp quản lý: thực hiện tốt Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Kiên Giang. Kết quả, UBND huyện phân công, điều động, bổ nhiệm cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác quản lý cán bộ công chức theo quyết định phân cấp quản lý cán bộ, nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý CBCCVV với 240 quyết định, trong đó: ban hành quyết định giải quyết chế độ thôi việc theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP; quyết định điều động, cho thôi việc đối với công chức; Bổ nhiệm vào ngạch đối với viên chức huyện; Bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo quản lý; quyết định cho thôi hưởng và hưởng phụ cấp không chuyên trách xã; chuyển xếp lương cán bộ xã; quyết định cho thôi giữ chức danh Phó công an xã (*An Sơn, Lại Sơn, Nam Du*); Quyết định phê chuẩn kết quả miễn nhiệm và bầu bổ sung Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các xã, quyết định cho thôi hưởng phụ cấp Phó Trưởng công an xã Hòn Tre và cho hưởng phụ cấp công an viên xã Hòn Tre.

4. Về xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo ngạch chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đảm bảo cơ cấu phù hợp. Trong đó công chức hành chính hiện có 56/61 biên chế; sự nghiệp trực thuộc 21/24 biên chế; sự nghiệp giáo dục 208/225 biên chế.

Tiếp tục thực hiện Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ và Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về ban hành quy định, thẩm quyền trách nhiệm, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với công chức, viên chức, tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Trong năm, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức xã thành công chức huyện (01 công chức).

Ngoài ra UBND huyện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; theo đó, sẽ thực hiện đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hàng tháng của từng cán bộ, công chức, viên chức; đây cũng là cơ sở để tiến hành xác định vị trí việc làm tại từng cơ quan, đơn vị nhằm chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức, trong năm có 01 cán bộ bị xử lý kỷ luật và thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo thẩm quyền quy định.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: UBND huyện ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 13/4/2016 về đào tạo bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2016-2020. Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân huyện đưa đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp huyện và xã trên 163 cán bộ, công chức, viên chức.

Về cán bộ, công chức cấp xã, hiện có mặt là 96/96 cán bộ, công chức cấp xã. Đạt chuẩn chuyên môn theo quy định 95/96 cán bộ, công chức đạt 98.95% (còn 01 công chức chưa có tin chỉ tin học)

5. Cải cách tài chính công

a. Tổ chức thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý tại các cơ quan hành chính:

Thực hiện theo Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước như sau: Có 16/16 đơn vị và 4/4 xã, đạt 100% số cơ quan hành chính trực thuộc triển khai thực hiện khoán biên chế và kinh phí. Và thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ.

b. Thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

Các đơn vị sự nghiệp công lập triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của chính phủ trong đó có 06 đơn vị sự nghiệp giáo dục; 01 sự nghiệp Văn hoá; 03 sự nghiệp khác. Có 10/10 đơn vị thực hiện, đạt 100%.

Về tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên: Có 01 đơn vị tiết kiệm và tăng thu nhập cho CB,CC,VC với số tiền trên 24.000.000đ.

6. Hiện đại hóa hành chính

a. Ứng dụng công nghệ thông tin

UBND huyện đã chỉ đạo tạo 23 tài khoản tổ chức và 112 tài khoản cá nhân để triển khai Hồ sơ công việc đến 10 phòng chuyên môn, các ngành khối đảng, Đảng ủy và UBND các xã; các ngành còn lại thông qua địa chỉ mail của đơn vị (Trừ công an, quân sự, biên phòng, ngân hàng nông nghiệp vì an toàn thông tin) để chỉ đạo, điều hành công việc; tạo 15 tài khoản tổ chức và 155 tài khoản cá nhân mail công vụ cho các phòng trực thuộc, UBND các xã, tất cả cán bộ công chức cấp huyện và xã để trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; ban hành Công văn số 61/UBND-VP ngày 07/6/2019 về áp dụng việc trao đổi thông tin một cửa điện tử của huyện đã đưa vào hoạt động tốt nhưng chỉ có một số ngành thực hiện; Thủ tục hành chính của huyện được công khai trực tuyến mức độ 3 là 32 thủ tục, mức độ 4 là 4 thủ tục, trong thời gian qua chưa có cá nhân, tổ chức nào nộp hồ sơ trực tuyến.

Trang Thông tin điện tử được điều chỉnh, cập nhật đúng theo khung quy định tại Nghị định 43 của Chính phủ, có kiện toàn Ban Biên tập, xây dựng quy chế, cập nhật các tin, bài thường xuyên (*Từ đầu năm đến nay khoản 450 tin, bài*).

Việc tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích thì UBND huyện đã ký hợp đồng với Bưu điện đang chờ Bưu điện triển khai đến các xã và sẽ đưa vào thực hiện.

b. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn ISO tại cơ quan, đơn vị

Việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan đảm bảo đúng theo quy định. Tiếp tục triển khai, thực hiện các văn bản hướng dẫn của Bộ, UBND tỉnh, sở, ngành tỉnh theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của UBND huyện, năm 2019 UBND huyện đã kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc của Đề án áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015 (theo Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 05/11/2019).

Thực hiện đúng theo Hệ thống QLCL theo mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 (bộ tài liệu sử

dụng chung cho toàn cơ quan. Biểu mẫu giấy tiếp nhận và trả kết quả, phiếu hướng dẫn, sổ theo dõi trong các quy trình ISO được thực hiện theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ).

Việc áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan, đơn vị đảm bảo thực hiện tốt các nội dung áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo quy định. UBND huyện chỉ thực hiện áp dụng bộ thủ tục hành chính công bố theo quy định không áp dụng và mở rộng phạm vi bên ngoài, kết quả thực hiện TTHC đúng thời gian quy định. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính, lấy phiếu thăm dò ý kiến tổ chức, cá nhân mức độ hài lòng đạt 100%.

7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Trong năm, tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả tại huyện là 2.124/2.183 hồ sơ đạt 97.30% (còn 51 hồ sơ lĩnh vực đất đai và 08 hồ sơ lĩnh vực công thương tài nguyên và môi trường trong hạn giải quyết). Số hồ sơ đã giải quyết và đúng hạn là 2.124/2.124 hồ sơ, đạt 100%.

Tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả tại xã là 10.545/10.545 hồ sơ, đạt 100%.

Có mở sổ, lập phiếu nhận, chuyển giải quyết hồ sơ theo mẫu quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; ghi chép vào sổ các loại phiếu, biểu mẫu đầy đủ, đúng theo quy định.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo diện tích theo quy định 80m², được bố trí trang thiết bị và khu vực ngồi chờ có nước uống và được trang bị cơ sở vật chất đúng theo chuẩn của một cửa điện tử, thuận tiện cho việc tiếp nhận hồ sơ của các tổ chức và cá nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Thực hiện cải cách hành chính đã đem lại hiệu quả thiết thực như UBND đã chỉ đạo đơn vị có liên quan trong việc rà soát lại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hủy bỏ những văn bản hết hiệu lực thi hành, trùng lặp, loại bỏ những thủ tục không còn phù hợp.

Thực hiện cơ chế một cửa đã tạo được phương thức phục vụ mới của các cơ quan hành chính nhà nước, chất lượng công việc được nâng lên; thời gian giải quyết công việc được rút ngắn. Trong lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu phí - lệ phí... được xem xét theo thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Bộ máy nhà nước được sắp xếp hợp lý theo sự chỉ đạo của Trung ương và tỉnh, tạo ra môi trường làm việc mới, tập trung nhiều hơn về chức năng quản lý nhà nước. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được

nâng lên, đã tuyển chọn ngày càng nhiều cán bộ, công chức, viên chức trẻ, đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn. Trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng lên so với trước, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu chuẩn hóa.

2. Tồn tại, hạn chế, biện pháp khắc phục

- Tồn tại, hạn chế:

+ Thực hiện quy trình rà soát thủ tục hành chính chưa đảm bảo, chưa có sáng kiến trong công tác cải cách hành chính. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tuy có cải tiến nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu nên một số chủ trương, chính sách, cơ chế mới chậm đi vào cuộc sống và chưa phát huy hiệu quả.

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tuy có nâng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, việc bố trí không đúng nghiệp vụ chuyên môn làm hạn chế hiệu quả hoạt động của bộ máy. Công chức đạt chuẩn chuyên môn theo quy định của xã vẫn còn hạn chế (01 công chức) chỉ đạt 98.95%, công chức hiện có mặt là 56/61 biên chế đạt 91.80%, số lượng biên chế tại đơn vị còn thiếu, một công chức phải thực hiện kiêm nhiệm nhiều việc, đôi lúc xử lý công việc và báo cáo còn hạn chế về thời gian chưa đúng quy định.

+ Trang thiết bị phục vụ công tác còn thiếu đối với xã, thường xuyên hư hỏng làm chậm tiến độ xử lý công việc và công tác thông tin, báo cáo ở một số xã còn chậm ảnh hưởng đến việc báo cáo về cấp trên.

- Biện pháp khắc phục:

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước và các văn bản của Đảng và Nhà nước, của Tỉnh ủy và UBND tỉnh có liên quan công tác CCHC; xây dựng và tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng năm 2030 đã đề ra.

+ Kiện toàn tổ chức bộ máy, đề xuất, kiến nghị điều chỉnh những nhiệm vụ còn trùng lặp, chồng chéo và phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực cho Thủ trưởng các ngành, đơn vị. Nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản QPPL trên các lĩnh vực quản lý. Các phòng chuyên môn hàng năm phải xây dựng kế hoạch rà soát văn bản, kịp thời phát hiện điều chỉnh, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp với tình hình thực tế.

+ Đẩy mạnh thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, công chức ở cơ sở, tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ công tác CCHC. Đồng thời thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ, công chức, tập trung đào tạo cán bộ đạt tiêu chuẩn theo quy định và đào tạo cán bộ trong quy hoạch.

+ Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, đơn vị trong lãnh đạo, điều hành và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc để kịp thời đề ra biện pháp khắc phục những hạn chế, yếu

kém và kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức có hành vi, thái độ những nhiều, hách dịch, cửa quyền hoặc gây phiền hà đối với tổ chức và công dân nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính, nhất là ở cơ sở.

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước theo Kế hoạch và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

+ Kiến toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu về cải cách hành chính ở các ngành, đơn vị; đổi mới công tác đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện cải cách hành chính ở các ngành chuyên môn và xã.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền cải cách hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, kịp thời phát hiện và nhân rộng những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong thực hiện cải cách hành chính, chỉ rõ những nơi còn hạn chế, yếu kém để phê phán và rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp thực hiện.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại các đơn vị.

IV. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết 30c của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch giai đoạn 2016-2020 của UBND huyện trong công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan có liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Giao cho Phòng Nội vụ, tham mưu chuẩn bị các văn bản thẩm định chấm điểm cải cách hành chính năm 2019 của Ủy ban nhân dân các xã trước tháng 01 năm 2019 và thẩm định chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của huyện trước tháng 02 năm 2020 gửi về Sở Nội vụ thẩm định. Công tác Hội nghị tổng kết giai đoạn cải cách hành chính 2016-2020 và các nội dung có liên quan về công tác cải cách hành chính.

Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về chế độ công vụ và công chức, viên chức. Xây dựng và phát triển đội ngũ CBCC có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và kỹ năng hành chính, có tinh thần trách nhiệm, đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, nâng cao tính chuyên nghiệp; tập trung đến công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho CBCC của huyện, xã.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục theo dõi, thực hiện tốt Trang thông tin điện tử của huyện. Rà soát và kiểm soát thủ tục hành chính nhằm tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, những thủ tục hành chính trái quy định, không đúng thẩm quyền, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền bãi bỏ những thủ tục hành chính không còn phù hợp. Rà soát bộ thủ tục hành chính cấp huyện, có thể cắt giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính và trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và công bố tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, tiếp tục phối hợp các phòng, ban, Ủy ban nhân dân xã thực hiện tốt quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 130 và Nghị định số 43 của Chính phủ.

4. Phòng Tư pháp, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật.

5. Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Đài Truyền thanh huyện và các đơn vị đoàn thể trong huyện tổ chức triển khai, tuyên truyền cải cách hành chính thiết thực và hiệu quả.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019 và chương trình năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện./.

Nơi nhận: *me*

- TT.Huyện ủy;
- TT.UBND huyện;
- Các phòng trực thuộc;
- UBND các xã;
- Lưu: VT, pnv.



Huyền Thanh Bình

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH CỦA UBND CẤP HUYỆN



STT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch	Số nhiệm vụ/đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch	Ghi chú
1	Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019, số 11/KH-UBND của UBND huyện	Ngày 28/01/2019	7 nhiệm vụ	7 nhiệm vụ	
2.	Số lượng cơ quan chuyên môn và UBND cấp xã ban hành kế hoạch năm về CCHC		10 cơ quan	10 cơ quan	Trong đó số lượng xã: 4 xã
3	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính số của UBND huyện, số 25/KH-UBND kiểm tra công tác cải cách hành chính	26/3/2019	6 nhiệm vụ	6 nhiệm vụ	
4	Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính của UBND huyện, số 26/KH-UBND	26/3/2019	5 nội dung	5 nội dung	
5	Quyết định số 139/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch rà soát TTHC năm, thực hiện cơ chế, cơ chế một cửa liên thông	21/01/2019	9 nội dung	9 nội dung	
6	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc năm, số 63/KH-UBND về kiểm tra công vụ năm 2019	20/6/2019	3 nội dung	3 nội dung	Kiểm tra 3 xã
7	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, 27/KH-UBND	13/4/2016	10 phòng, 4 ban	10 phòng, 4 ban	4 xã
8	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm				

Phụ lục 2a
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ
THỰC HIỆN CCHC CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính		Ghi chú
			Phòng chuyên môn	UBND cấp xã	
1	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	6	2	4	
2	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC	3		3	
3	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	5	1	4	
4	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	14	10	4	
5	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	3		3	
6	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	10	10		
7	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt				
8	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt	10	10		
9	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt				
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức				
11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách	27	23 đơn vị	4	





	đối với cán bộ, công chức, viên chức				
12	Số cơ quan hành chính (phòng CM, xã) thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo NĐ 130	22	18	4	
13	Số cơ quan hành chính (phòng CM, xã) ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai	22	18	4	
14	Số cơ quan hành chính (phòng CM, xã) ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	22	18	4	
15	Số đơn vị sự nghiệp thuộc cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo NĐ 43	17	17		Có 2 đơn vị tự đảm bảo kinh phí
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	17	17		Có 2 đơn vị tự đảm bảo kinh phí
17	Số đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động				
18	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp huyện được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo NĐ 115 (nếu có).				
19	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ				
20	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động				
21	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	1	1		

22	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	14	10	4	
23	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện có trang thông tin điện tử				
24	Huyện được cấp chứng chỉ ISO	1	1		
25	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	11	11		
26	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông				
27	Số đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.	4		4	
28	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện đạt yêu cầu về: - Cơ sở vật chất; - Trang thiết bị theo quy định.	1	1		
29	Cấp huyện đã thực hiện mô hình một cửa hiện đại				



THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN TỔ CHỨC CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính		Ghi chú
			Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính (phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện), cấp xã.	14	10	4	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc UBND cấp huyện	7	7		
3	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc phòng chuyên môn	1	1		
4	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập (cấp huyện nếu có).				

Phụ lục 4a

SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính		Tỉ lệ % (So với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên: - Cổng thông tin điện tử của tỉnh; - Trang thông tin điện tử của huyện.	404	276	128		
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	404	276	128		
3	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông					

**TỔNG HỢP CÁC KẾT QUẢ ĐỀ XEM LÝ TRONG QUÁ TRÌNH
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CÔNG CHỨC CỦA UBND CẤP HUYỆN**



STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/Đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC				
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương				
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện				
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát văn bản QPPL thực hiện tại địa phương				
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra văn bản QPPL tại địa phương				
6	Số quy định của UBND tỉnh về phân cấp được thực hiện ở địa phương	1	1	100%	
7	Số văn bản QPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương (tổng số các văn bản của các ngành, lĩnh vực)				
8	Số văn bản QPPL thực hiện tại địa phương được kiểm tra (tổng số các văn bản của cấp trên và cấp mình).				
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại địa phương				



STT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng công chức xã	52/52	100%	
2	Số lượng cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định	95/96	98.95%	
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	69/96	71,87%	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Hải, ngày 05 tháng 12 năm 2019

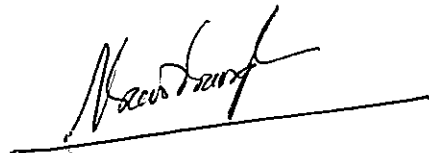
BÁO CÁO

Thông kê số liệu giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa cấp huyện năm 2019

Mẫu 1:

Số TT	Lĩnh vực thực hiện	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	KẾT QUẢ						Ghi chú
			Hồ sơ giải quyết		Hồ sơ đúng hạn		Hồ sơ trễ hạn		
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
01	Lĩnh vực đất đai	401	350	87,28	350	100,00	0	0	Còn 51 hồ sơ lĩnh vực đất đai, 08 hồ sơ lĩnh vực công thương tài nguyên và môi trường chuyển qua tháng sau giải quyết và còn trong hạn
02	Lĩnh vực Tư pháp	1.093	1.093	100	1.093	100	0	0	
03	Lĩnh vực Tài chính	81	81	100	81	100	0	0	
04	Lĩnh vực đăng ký TC&Xóa TC	382	382	100	382	100	0	0	
05	Lĩnh vực Thủy sản	131	131	100	131	100	0	0	
06	Lĩnh vực Nội vụ	25	25	100	25	100	0	0	
08	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	68	60	88	60	100	0	0	
09	Lĩnh vực văn hóa	2	2	100	2	100	0	0	
Tổng cộng		2.183	2.124	97,30	2.124	100	0	0	

Người lập bảng



Trần Tiến Thắng

UBND HUYỆN KIÊN HẢI



Huỳnh Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Hải, ngày 05 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO

Thống kê số liệu giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa cấp xã năm 2019

Mẫu 2:

Số TT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	KẾT QUẢ						Ghi chú
			Hồ sơ giải quyết		Hồ sơ đúng hạn		Hồ sơ trễ hạn		
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
01	Xã Hòn Tre	4.326	4.326	100	4.326	100	0		
02	Xã Lại Sơn	3.437	3.437	100	3.437	100	0		
03	Xã An Sơn	1.588	1.588	100	1.588	100	0		
04	Xã Nam Du	1.194	1.194	100	1.194	100	0		
Tổng cộng		10.545	10.545	100	10.545	100	0	0	

Người lập bảng

Trần Tiến Thắng

UBND HUYỆN KIÊN HẢI
KẾ CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Bình